

BÀI THỰC HÀNH 4.2

NGÔN NGỮ ĐỊNH NGHĨA DỮ LIỆU

Tạo CSDL cho hệ thống quản lý BatDongSan. Sau đó tạo các bảng như sau:

Table VanPhong

Tên cột	Kiểu dữ liệu	Mô tả
MaVP		Mã văn phòng, khóa chính
DiaDiem		Địa điểm

Table NhanVien

Tên cột	Kiểu dữ liệu	Mô tả
MaNV		Mã nhân viên, khóa chính
TenNV		Họ và tên nhân viên
MaVP		Mã văn phòng, khóa ngoại

Table ThanNhan

Tên cột	Kiểu dữ liệu	Mô tả
MaTN		Mã thân nhân, khóa chính
TenThanNhan		Tên thân nhân
MoiQuanHe		Mối quan hệ
MaNV		Mã nhân viên, khóa ngoại

Table BatDongSan

Tên cột	Kiểu dữ liệu	Mô tả
MaBDS		Mã BĐS, khóa chính
DiaChi		Địa chỉ BDS
MaVP		Mã văn phòng, khóa ngoại
MaChuSoHuu		Mã chủ sở hữu, khóa ngoại

Table ChuSoHuu

Tên cột	Kiểu dữ liệu	Mô tả
MaChuSoHuu		Mã chủ sở hữu, khóa chính
TenChuSoHuu		Tên chủ sở hữu
SoDienThoai		Số điện thoại

1. Nhập vào kiểu dữ liệu tùy ý, sao cho phù hợp giữa các quan hệ.
2. Sử dụng ngôn ngữ định nghĩa dữ liệu DDL để tạo các đối tượng trong cơ sở dữ liệu cho bài toán Quanly_Batdongsan.
3. Sử dụng ngôn ngữ SQL để thực hiện những ràng buộc sau:
 - Tạo ràng buộc khóa chính, khóa ngoại cho các thuộc tính tương ứng ở các quan hệ.
 - Tạo ràng buộc UNIQUE cho thuộc tính SoDienThien trong quan hệ ChuSoHuu
 - Tạo ràng buộc cho thuộc tính MoiQuanHe chỉ nhận 3 giá trị: Vợ, chồng, con/cái.
 - Tạo ràng buộc NOT NULL cho các thuộc tính TenChuSoHuu, TenNV, TenThanNhan.
 - Tạo ràng buộc DEFAULT cho thuộc tính MoiQuanHe là NguoiPhuThuoc.
4. Nhập ít nhất 5 dòng dữ liệu cho mỗi bảng.